

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 321/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2020

V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị H và anh H

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 23-11-2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 82, thôn 5, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. “xin vắng mặt”

-Bị đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. “xin vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16 tháng 4 năm 2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - chị Trịnh Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Phan Văn H đăng ký kết hôn ngày 16-01-2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H tại xóm 3, xã H và đã có 01 con chung nhưng trong quá trình chung sống tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, anh H mắc nghiện ma túy, nhiều lần chị H cùng gia đình khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Vì tình cảm vợ chồng rạn nứt,

cuộc sống chung nặng nề nên tháng 4 năm 2019 chị H cùng con chuyển vào sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Anh H không vào thăm nom con và chị H, vợ chồng không liên lạc gì với nhau và đã ly thân kể từ đó. Nay xác định cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị H đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Trịnh Gia H, sinh ngày 16-10-2018, hiện nay con chung đang sống cùng chị H. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản, nghĩa vụ tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc, ở xa, đi lại khó khăn, không thường xuyên đến Tòa án làm việc được nên chị Trịnh Thị H giữ nguyên lời khai ở trên và đề nghị xin được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

** Quá trình tố tụng bị đơn - anh Phan Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận lời khai của chị H về thời gian tìm hiểu, kết hôn và quá trình chung sống. Anh H công nhận trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, trong lúc không làm chủ được bản thân, anh H bị bạn bè rủ rê lôi kéo vào tệ nạn ma túy nên cuộc sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh, xác định vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh H nhất trí ly hôn với sự tự nguyện.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Trịnh Gia H, sinh ngày 16-10-2018, hiện nay con chung đang sống cùng chị H. Nay ly hôn anh H nhất trí để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H mà tự có trách nhiệm đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản, nghĩa vụ tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên anh H không đến Tòa án làm việc được nên anh H giữ nguyên lời khai ở trên và đề nghị xin được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

Tại phiên toà: Chị H, anh H giữ nguyên quan điểm như bản tự khai, vắng mặt theo ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thị H, anh Phan Văn H vắng mặt có lý do theo ý kiến xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Phan Văn H trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng tổ chức đăng ký kết hôn ngày 16-01-2018 là hoàn toàn hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thường xuyên chia sẻ, không quan tâm tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt hiệu quả. Anh H lại mắc vào tệ nạn là nghiện ma túy, vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn phát sinh nên từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, được chính quyền địa phương xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho ly hôn giữa chị và anh H. Anh H xác định cuộc sống chung không hạnh phúc nên cũng nhất trí ly hôn với sự tự nguyện.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H làm đơn xin ly hôn, anh H nhất trí ly hôn với sự tự nguyện nên xử cho ly hôn giữa chị H và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Trịnh Gia H, sinh ngày 16-10-2018, hiện nay con chung đang sống cùng chị H. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Anh H cũng nhất trí giao con cho chị H nuôi dưỡng.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, từ khi vợ chồng ly thân, cháu H sống cùng chị H được nuôi dưỡng, phát triển đầy đủ, hơn nữa, cháu H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của

người mẹ để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý nên cần giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng trực tiếp đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H mà được thực hiện quyền thăm con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự khai nhận vợ chồng không có tài sản, nghĩa vụ tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Trịnh Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Phan Văn H.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Phan Trịnh Gia H, sinh ngày 16-10-2018 cho chị Trịnh Thị H nuôi dưỡng trực tiếp đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Anh Phan Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H mà được quyền và có nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được gây khó khăn cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Hiện nay cháu H đang sống cùng chị H.

3. Về án phí dân sự:

Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0002417 ngày 23-11-2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H. Chị Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện H: 01 bản;
- UBND xã L: 01 bản;
- Đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga